

**DANH MỤC**  
**ÁN PHÍ, LỆ PHÍ TÒA ÁN**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016)

**A. DANH MỤC ÁN PHÍ**

Stt	Tên án phí	Mức thu
<b>I</b>	<b>Án phí hình sự</b>	
1	Án phí hình sự sơ thẩm	200.000 đồng
2	Án phí hình sự phúc thẩm	200.000 đồng
<b>II</b>	<b>Án phí dân sự</b>	
<b>1</b>	<b>Án phí dân sự sơ thẩm</b>	
1.1	Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động không có giá ngạch	300.000 đồng
1.2	Đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại không có giá ngạch	3.000.000 đồng
1.3	Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình có giá ngạch	
a	Từ 6.000.000 đồng trở xuống	300.000 đồng
b	Từ trên 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng	5% giá trị tài sản có tranh chấp
c	Từ trên 400.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng	20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng
d	Từ trên 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng	36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng
đ	Từ trên 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng	72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 2.000.000.000 đồng
e	Từ trên 4.000.000.000 đồng	112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng.
1.4	Đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch	
a	Từ 60.000.000 đồng trở xuống	3.000.000 đồng
b	Từ trên 60.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng	5% của giá trị tranh chấp
c	Từ trên 400.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng	20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng

d	Từ trên 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng	36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng
đ	Từ trên 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng	72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tranh chấp vượt 2.000.000.000 đồng
e	Từ trên 4.000.000.000 đồng	112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng
1.5	Đối với tranh chấp về lao động có giá ngạch	
a	Từ 6.000.000 đồng trở xuống	300.000 đồng
b	Từ trên 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng	3% giá trị tranh chấp, nhưng không thấp hơn 300.000 đồng
c	Từ trên 400.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng	12.000.000 đồng + 2% của phần giá trị có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng
d	Từ trên 2.000.000.000 đồng	44.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị có tranh chấp vượt 2.000.000.000 đồng
<b>2</b>	<b>Án phí dân sự phúc thẩm</b>	
2.1	Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động	300.000 đồng
2.2	Đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại	2.000.000 đồng
<b>III</b>	<b>Án phí hành chính</b>	
<b>1</b>	<b>Án phí hành chính sơ thẩm</b>	300.000 đồng
<b>2</b>	<b>Án phí hành chính phúc thẩm</b>	300.000 đồng

## B. DANH MỤC LỆ PHÍ TÒA ÁN

Stt	Tên lệ phí	Mức thu
<b>I</b>	<b>Lệ phí giải quyết việc dân sự</b>	
<b>1</b>	<b>Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động</b>	300.000 đồng
<b>2</b>	<b>Lệ phí phúc thẩm giải quyết yêu cầu về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động</b>	300.000 đồng
<b>II</b>	<b>Lệ phí Tòa án khác</b>	
<b>1</b>	<b>Lệ phí yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài; phán quyết của trọng tài nước ngoài</b>	

a	Lệ phí công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài; phán quyết của Trọng tài nước ngoài	3.000.000 đồng
b	Lệ phí kháng cáo quyết định của Tòa án về việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài; phán quyết của Trọng tài nước ngoài	300.000 đồng
<b>2</b>	<b>Lệ phí giải quyết yêu cầu liên quan đến việc Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật về Trọng tài thương mại</b>	
a	Lệ phí yêu cầu Tòa án chỉ định, thay đổi trọng tài viên	300.000 đồng
b	Lệ phí yêu cầu Tòa án xem xét lại phán quyết của Hội đồng trọng tài về thỏa thuận trọng tài, về thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng trọng tài; đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc	500.000 đồng
c	Lệ phí yêu cầu Tòa án áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời liên quan đến trọng tài; yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ, triệu tập người làm chứng	800.000 đồng
d	Lệ phí kháng cáo quyết định của Tòa án liên quan đến trọng tài	500.000 đồng
<b>3</b>	<b>Lệ phí nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản</b>	1.500.000 đồng
<b>4</b>	<b>Lệ phí xét tính hợp pháp của cuộc đình công</b>	1.500.000 đồng
<b>5</b>	<b>Lệ phí bắt giữ tàu biển</b>	8.000.000 đồng
<b>6</b>	<b>Lệ phí bắt giữ tàu bay</b>	8.000.000 đồng
<b>7</b>	<b>Lệ phí thực hiện ủy thác tư pháp của Tòa án nước ngoài tại Việt Nam</b>	1.000.000 đồng
<b>8</b>	<b>Lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài</b>	200.000 đồng
<b>9</b>	<b>Lệ phí cấp bản sao giấy tờ, sao chụp tài liệu tại Tòa án</b>	1.500 đồng/trang A4